

Mệnh đề -ing trong tiếng Anh

A. Mệnh đề -ing trong tiếng Anh

Bạn xét ví dụ:

- **Feeling** tired, I went to bed early. Cảm thấy mệt, tôi đã đi ngủ sớm.

Trong câu trên:

- *I went to bed early* là mệnh đề chính (main clause)
- *Feeling tired* là mệnh đề -ing (hay -ing clause).

Chúng ta sử dụng **Mệnh đề -ing** trong các trường hợp sau:

- Sử dụng **mệnh đề -ing** (-ing clause) khi nói đến hai điều xảy ra đồng thời: chúng ta có thể dùng **-ing** cho một trong hai động từ diễn tả hai hành động đó. Ví dụ:

- **She** was sitting **in** a chair **reading a book**. Cô ta đang ngồi trên ghế đọc sách. - I ran **out** of the house **shouting**. Tôi chạy ra khỏi nhà hét lên.

- Chúng ta cũng có thể sử dụng **mệnh đề -ing** khi một hành động xảy ra trong suốt thời gian một hành động khác đang xảy ra. Dùng **-ing** cho hành động dài hơn. Trong trường hợp này, **-ing** đã thay thế cho từ nối **while** (trong khi) hoặc **when**(khi).

- **Jim** hurt his arm **playing tennis**. (= **while** he was playing tennis)
Jim đau tay khi chơi tennis. - I cut myself shaving. (= **while** I was shaving)
Tôi cắt phải mình khi đang cạo râu.

Cũng có thể dùng -ing khi có mặt while hoặc when.

- **Jim** hurt his arm **while** playing tennis. - **Be** careful **when** crossing the road. Hãy cẩn thận lúc băng qua đường.

- Khi một hành động xảy ra trước một hành động khác, ta có thể dùng **having + Quá khứ phân từ** (past participle) cho hành động xảy ra trước.

- **Having** found a hotel, they looked **for** somewhere to have dinner. **Đã** tìm thấy một khách sạn, họ tìm chỗ để ăn tối. - **Having** finished our work, we went home. **Đã** làm xong công việc, chúng tôi về nhà.

Cũng có thể dùng **after** (sau khi) với **-ing** trong trường hợp này. Ví dụ:

- **After** finishing our work, we went home. **Sau** khi làm xong việc, chúng tôi về nhà.

Nếu hành động sau xảy ra tức thì ngay sau hành động đầu, bạn có thể dùng đơn giản **mệnh đề -ing** không nhất thiết phải dùng **having**.

- **Taking** a key **out** of his pocket, he opened the door. **Lấy** chìa khóa ra khỏi túi, anh ta mở cửa.

Cấu trúc này thường được dùng nhất là trong văn viết tiếng Anh.

- **Mệnh đề -ing** còn được dùng để giải thích thêm một điều gì cho mệnh đề chính.

- **Feeling** tired, I went to bed early. (= because I felt tired.) **Cảm** thấy mệt, tôi đi ngủ sớm. (= bởi vì tôi thấy mệt) - **Having** already seen the film twice, I don't want to go to the cinema. **Đã** xem bộ phim hai lần rồi tôi không muốn đi xem phim.

Cấu trúc này thường dùng trong văn viết hơn là văn nói.

- **Mệnh đề -ing** còn được dùng với tính cách như một mệnh đề quan hệ trong câu.

- **Do** you know the girl talking to **Tom**? (**Anh** có biết cô gái đang nói chuyện với **Tom** không?)

Chúng ta dùng **mệnh đề -ing** như thế này trong trường hợp nói *ai đang làm gì (is doing hoặc was doing)* trong một thời điểm riêng biệt.

Bạn xem xét kỹ các ví dụ sau:

- I was woken **by** a bell ringing. **Tôi** bị đánh thức bởi một tiếng chuông reo. - **Who** was that man standing outside? **Gã** đàn ông đang đứng ở ngoài đó là ai vậy? - **Can** you hear someone singing? **Anh** có nghe ai đang hát không?

Như vậy **mệnh đề -ing** chỉ đóng vai trò mệnh đề quan hệ khi mệnh đề này chỉ một hành động đang tiếp diễn.

- Khi nói đến đồ vật, chúng ta cũng có thể dùng **mệnh đề -ing** cho các đặc điểm nổi bật của nó, điều mà lúc nào cũng vậy chứ không phải trong một thời điểm riêng biệt nào đó. Trong trường hợp này không nên dịch là **đang...**

- The road joining the two villages **is** very narrow. Con đường nối hai làng rất hẹp. - I live **in** a room overlooking the garden. Tôi sống trong một căn phòng trông xuống vườn.

Chúng ta cũng thường dùng **mệnh đề -ing** và **mệnh đề -ed** sau **there is/there was,...**

Ví dụ:

- **Is** there anybody waiting to see me? Có ai **đang đợi gặp** tôi không? - **There** were some children swimming **in** the river. Có vài **đứa trẻ đang bơi** dưới sông.